

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 74/2025/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT về ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 662/SNNMT-MT ngày 15/6/2026; của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 284/BC-STP ngày 12/6/2026; ý kiến đồng ý của Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và các Thành viên UBND tỉnh qua Biểu quyết;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định 74/2025/QĐ-UBND ngày 20/11/2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4

“3. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm hạn chế phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt phát sinh phù hợp với mục đích quản lý, xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp và các quy định của pháp luật có liên quan”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 thành:

“c. Chất thải rắn sinh hoạt khác gồm các loại chất thải rắn còn lại ngoài hai loại quy định tại điểm a, điểm b khoản này, có đặc tính khó phân hủy sinh học và không có khả năng sử dụng lại hoặc tái chế. Chất thải rắn sinh hoạt khác được phân thành các loại sau:

- Chất thải rắn công kênh là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt gồm các sản phẩm có thành phần nguy hại bị thải bỏ như pin, ắc quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải, thủy tinh hoạt tính thải, nhiệt kế chứa thủy ngân thải; bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại; chai lọ đựng chất thải có thành phần nguy hại; sơn, chất kết dính có thành phần nguy hại; dẻ lau dính dầu, hoá chất; kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh...

- Chất thải khác còn lại gồm các loại chất thải rắn sinh hoạt khác ngoài chất thải rắn công kênh và chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có quyền từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng bao bì của chất thải rắn sinh hoạt khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung tiết thứ nhất điểm a khoản 2 như sau:

“- Được sản xuất bởi cơ sở sản xuất và phân phối do Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn theo quy định của pháp luật.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Chủ đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, khu chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, công trình đáp ứng lưu giữ từng loại chất thải rắn đã phân loại; thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định; tổ chức thu gom hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sinh sống, làm việc tại khu đô thị, khu chung cư, tòa nhà văn phòng nơi mình quản lý thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh về tại điểm tập kết đã bố trí trong khuôn viên để chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7

“3. Điểm tập kết tạm thời là điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt chỉ sử dụng tạm thời trong một khoảng thời gian nhất định trong ngày để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt; ngoài thời gian đó khu vực này có thể được sử dụng cho mục đích khác. Khuyến khích các khu vực đô thị sử dụng điểm tập kết tạm thời. UBND cấp xã căn cứ điều kiện thực tế để xác định, thông báo thời gian hoạt động của từng điểm tập kết tạm thời trên địa bàn quản lý.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10

“4. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình hình thực tế tại địa phương lựa chọn cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 12

“7. Ủy ban nhân dân cấp xã tùy thuộc vào tình hình thực tiễn tại địa phương để lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn theo quy định pháp luật.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Quản lý chất thải nhựa tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ:

a) Kể từ ngày 01/01/2026, các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch trên địa bàn không được lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học theo quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Khuyến khích các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, cửa hàng, chợ dân sinh, nhà hàng, quán cà phê, quán ăn uống vỉa hè thực hiện các nội dung sau:

- Thay thế dần túi ni lông khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần bằng túi ni lông dễ phân hủy sinh học hoặc các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Treo khẩu hiệu, pano và tuyên truyền trực tiếp cho khách mua hàng tại cơ sở kinh doanh, dịch vụ của mình về tác hại của rác thải nhựa và hạn chế phát sinh rác thải nhựa.

- Khuyến khích khách hàng sử dụng túi, dụng cụ đựng hàng hoá, sản phẩm của cá nhân khi đến mua hàng, hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần do cơ sở kinh doanh dịch vụ cung cấp.

- Hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần cho khách hàng sử dụng dịch vụ ăn uống ngay tại cơ sở kinh doanh dịch vụ.

- Đối với những hàng hoá dạng khô nên sử dụng túi giấy, túi vải, túi ni lông dễ phân hủy sinh học hoặc các vật dụng thân thiện với môi trường.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Khuyến khích sử dụng túi giấy, cặp giấy để đựng tài liệu hội họp.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 4 như sau:

“b) Tuyên truyền về tác hại của chất thải nhựa và giải pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa vào các buổi sinh hoạt và các chương trình ngoại khóa.

c) Khuyến khích xây dựng nội quy quản lý chất thải nhựa trong trường học; đưa tiêu chí giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa và phân loại chất thải nhựa thành một trong các tiêu chí để bình xét, đánh giá chất lượng rèn luyện của các lớp, các trường”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17

“1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Hằng năm phối hợp với Sở Tài chính, rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho công tác tuyên truyền, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; tham gia đánh giá năng lực thực hiện các hợp đồng của các đơn vị thực hiện (gồm cả khối lượng thực hiện và nguồn kinh phí sử dụng) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết việc lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định pháp luật về đầu thầu”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19

1. Sửa đổi, bổ sung phần quy định chung trước khoản 1 như sau:

“Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và các khoản 3, 4, 5 Điều 21 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ) và các quy định sau:”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn để làm cơ sở lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.”.

Điều 11. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm và thay thế một số cụm từ tại các điều, khoản, điểm

1. Bãi bỏ khoản 4, Điều 4; điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 5; điểm d và điểm đ khoản 3 Điều 15, Điều 16 và cụm từ “Thanh tra” tại Chương IV.
2. Thay thế các cụm từ “Báo Hà Tĩnh” bằng “Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Tĩnh”; “khó phân hủy” thành “khó phân hủy sinh học” tại Điều 18.
3. Thay thế các cụm từ: “Điều 21” thành “Điều 20”, “Điều 22” thành “Điều 21”.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định theo văn bản mới.
3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-HTXTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Huy Thành